TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **182**/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 628/2023/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 708/2023/QĐST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268 Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Lê N, sinh năm 1978.

Địa chỉ liên hệ: 278 Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố H.

(*Theo Giấy ủy quyền số 624/2023/UQ-TGĐ ngày 28/3/2023)*

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Mỹ U, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 129F/177 Đường Đ, Phường T, Quận X, Thành phố H.

(*Ông Thân Lê N và bà Nguyễn Ngọc Mỹ U vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N trình bày:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 12/9/2020 và căn cứ các điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Ngọc Mỹ U, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng, loại thẻ: Visa Platium Cashback (*số thẻ 436438 – 4200*), mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay: theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà U đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 712.563.500 đồng (*Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà U vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do Bà U vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), ngày 06/05/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 58.563.792 đồng sang nợ quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.6%/tháng (= Lãi suất trong hạn 2.4%/tháng x 150%). (*Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*).

Nay Ngân hàng yêu cầu Bà U thanh toán số tiền còn thiếu tính đến ngày 29/09/2023, tổng cộng: 94.545.616 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) bao gồm:

- Dư nợ gốc : 58.563.792 đồng
- Lãi quá hạn : 35.981.824 đồng

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi Bà U thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn – bà Nguyễn Ngọc Mỹ U để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Bà U đều vắng mặt không rõ lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Thân Lê N có đơn xin vắng mặt và gửi bản ý kiến trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là tạm tính đến ngày 29/09/2023, tổng cộng: 94.545.616 đồng (*Bằng chữ:*

Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng) bao gồm:

- Dư nợ gốc : 58.563.792 đồng
- Lãi quá hạn : 35.981.824 đồng

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi Bà U thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà U có nghĩa vụ phải trả số tiền tổng cộng là 94.545.616 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ngoài ra kể từ ngày 30/9/2023 Bà U phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Ngân hàng khởi kiện Bà U yêu cầu thanh toán số tiền vay còn thiếu theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng; Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng có ghi địa chỉ cư trú của bị đơn tại: 129F/177 Đường Đ, Phường T, Quận X, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận X thì bà Nguyễn Ngọc Mỹ U, sinh năm 1993, có hộ khẩu thường trú 129F/177 Đường Đ, Phường T, Quận X, Thành phố H, nhà bán từ năm 2020, hiện không thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Mỹ U thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ cư trú mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật cư trú nên địa chỉ 129F/177 Đường Đ, Phường T, Quận X, Thành phố H được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Xét thấy, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú"; Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Mỹ U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 12/9/2020 do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng và bà Bùi Thị Minh H có thoả thuận, giao kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là các giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tính đến ngày 29/9/2023, Bà U còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 94.545.616 đồng (Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng) bao gồm: nợ gốc là 58.563.792 đồng; Lãi quá hạn là 35.981.824 đồng.

Tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:"Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định". Theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật này quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"

Do Bà U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo *Điều 18, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng* cho nên Ngân

hàng khởi kiện yêu cầu Bà U phải thanh toán vốn vay và lãi cho Nguyên đơn tổng cộng 94.545.616 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Ngọc Mỹ U phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng tổng số tiền 94.545.616 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*). Đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Ngọc Mỹ U phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 4.727.281 đồng *(Bốn triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng)*.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Buộc bà Nguyễn Ngọc Mỹ U có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tổng cộng là 94.545.616 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng*) (*theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 12/9/2020*).

Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2023 đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Ngọc Mỹ U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết .

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Ngọc Mỹ U phải chịu án phí là 4.727.281 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 2.034.000 đồng (Hai triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2022/0017881 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh